

Phần ba
LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)

Chương I
VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 19
**NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN
CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC
(Từ năm 1858 đến trước năm 1873)**

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS

1. Về kiến thức

Cần nắm được :

- Ý đồ xâm lược Việt Nam của tư bản phương Tây.
- Quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1873.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ năm 1858 đến năm 1873.

2. Về kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá sự kiện, vấn đề lịch sử.
- Biết liên hệ, rút ra bài học kinh nghiệm.

3. Về thái độ

- Hiểu được bản chất xâm lược của chủ nghĩa thực dân và sự tàn bạo của chúng.
- Tự hào về truyền thống chống xâm lược của cha ông.
- Có thái độ đúng mức khi tìm hiểu về nguyên nhân và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước cuối thế kỉ XIX.
- Có nhận thức đúng đối với các sự kiện, nhân vật lịch sử cụ thể.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

– Thương nhân các nước tư bản phương Tây đã từng đến Việt Nam nhằm tìm kiếm thị trường, hương liệu quý và đặt các thương điểm.

– Từ giữa thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX, đã xảy ra nhiều cuộc chiến tranh cướp bóc và thôn tính thuộc địa. Dưới vỏ bọc "truyền bá văn minh Cơ Đốc giáo", nhiều nước tư bản phương Tây đã biến những vùng đất mà họ mới phát hiện thành thuộc địa của mình.

Riêng với Việt Nam, các giáo sĩ Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Pháp đã tới truyền đạo từ rất sớm. Họ có mặt ở nhiều nơi và lúc đầu, dường như họ không gặp bất kì trở ngại nào. Về sau, khi phát hiện những dấu hiệu một số giáo sĩ đạo Thiên Chúa có can dự vào các vấn đề chính trị, nhà nước phong kiến Việt Nam đã ra lệnh cấm đoán. Tuy vậy, việc truyền đạo vẫn được tiếp tục.

Đến thế kỉ XVIII, Giám mục Bá Đa Lộc (Pi-nhô đơ Bê-hen) trở thành đầu mối cho việc kí kết Hiệp ước Vécxai (1787) giữa Nguyễn Ánh và Chính phủ Pháp.

Trên đà đó, một số cố đạo người Pháp đã trở thành chỗ dựa cho chính sách xâm lược của thực dân Pháp (kể từ thời Na-pô-lê-ông III (1852) trở về sau).

Năm 1858, sau khi dựng lên cái cớ "bảo vệ đạo Thiên Chúa", liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng xâm lược nước ta.

– Cuộc xâm lược Việt Nam của Pháp trong những năm 1858 – 1884 được tiến hành qua 5 đợt :

Đợt 1 (1858 – 1862) : Tấn công Đà Nẵng, đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, kết thúc bằng Hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862).

Đợt 2 (1863 – 1867) : Chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

Đợt 3 (1868 – 1873) : Chuẩn bị và tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (kết thúc bằng Hiệp ước Giáp Tuất (15-3-1874)).

Đợt 4 (1874 – 1882) : Chuẩn bị và tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ hai – buộc triều đình Huế kí Hiệp ước Hác măng (25-8-1883).

Đợt 5 (1883 – 1884) : Hoàn thành việc áp đặt nền bảo hộ trên đất Việt Nam, kí Hiệp ước Patơnốt (6-6-1884).

– Mặc dù quân Pháp không gặp trở ngại lớn khi đối phó với sự phản kháng của quân đội triều đình nhà Nguyễn, nhưng chúng đã sa lầy trong thế trận của cuộc chiến tranh nhân dân, và đó là lí do chính khiến thực dân Pháp phải mất tới 26 năm để hoàn thành cuộc xâm lược vũ trang ở Việt Nam (1858 – 1884).

– Trong Bài 19, GV giới thiệu khái quát các bước xâm lược : từ kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh", chuyển sang kế hoạch "tằm ăn lá" hay "chinh phục từng gói nhỏ" của Pháp ; giải thích lí do và các sự kiện chính trong quá trình thực hiện âm mưu đó.

Khi trình bày nội dung của bài, GV hướng dẫn cho HS hiểu được :

- + Sự khủng hoảng, suy yếu của chế độ phong kiến Việt Nam giữa thế kỉ XIX.
- + Dã tâm xâm lược của tư bản Pháp và ý thức kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Lược đồ các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.
- Lược đồ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kỳ.
- Tranh, ảnh về cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Việt Nam từ năm 1858 đến trước năm 1873.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài mới

– Là bài đầu tiên trong phần lịch sử Việt Nam đề cập đến một sự kiện đáng ghi nhớ : Thực dân Pháp xâm lược nước ta, mở đầu thời kì đất nước ta bị thực dân Pháp thống trị trong gần một thế kỉ.

– Nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược nước ta là gì ? Quá trình xâm lược của Pháp diễn ra như thế nào ? Nhân dân ta kháng chiến chống quân xâm lược như thế nào ? Đó là những nội dung cơ bản của bài 19, cũng như bài 20.

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Liên quân Pháp – Tây Ban Nha xâm lược Việt Nam. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858

1. Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỉ XIX (trước khi thực dân Pháp xâm lược)

– GV gợi ý cho HS tái hiện kiến thức lịch sử đã học ở lớp 10 về Vương triều Nguyễn với những nét chính về kinh tế, chính trị, xã hội qua các triều vua : Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức...

– Những biểu hiện khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam trong nửa đầu thế kỉ XIX (khai thác kiến thức trong SGK).

– GV cho HS trả lời câu hỏi cuối mục và yêu cầu HS nêu nhận xét : Tình hình đất nước dưới thời Nguyễn vào nửa đầu thế kỉ XIX có ảnh hưởng như thế nào đến công cuộc chống thực dân Pháp khi chúng xâm lược nước ta ? Có 2 ý cần nhấn mạnh :

+ Nhân tài, vật lực cạn kiệt, rất khó khăn trong cuộc đương đầu với kẻ thù xâm lược.

+ Khối đại đoàn kết dân tộc bị rạn nứt, sức mạnh đoàn kết vốn có bị ảnh hưởng.

2. Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược Việt Nam

– GV sử dụng *Lược đồ các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX*, giới thiệu (hoặc cho HS quan sát, nhận xét) về :

+ Vị trí của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á (vị trí chiến lược) tài nguyên thiên nhiên...).

+ Những vùng đất mà các nước tư bản đã chiếm đóng (hoặc áp đặt chế độ bảo hộ) trước và sau năm 1858 (năm thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam).

+ Sự can thiệp của Pháp đối với Việt Nam.

– Cho HS nhận xét về nguy cơ Việt Nam bị xâm lược, sau đó GV trình bày tiếp về quyết định của Na-pô-lê-ông III năm 1857 và của Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa Pháp.

– Cuối mục, GV chốt lại : Vào giữa thế kỉ XIX, trước âm mưu bành trướng của các thế lực tư bản phương Tây và Pháp, Việt Nam khó tránh khỏi một cuộc xâm lược của chúng.

– Khi yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở cuối mục, GV có thể gợi ý : Theo thứ tự thời gian (từ thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XIX), âm mưu xâm lược Việt Nam của Pháp được biểu hiện như thế nào ? Em giải thích thế nào về hiện tượng này ? (bản chất xâm lược, sự tham lam, yêu cầu phát triển của CNTB Pháp, sự cạnh tranh giữa các thế lực tư bản phương Tây...).

3. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858

– Dùng lược đồ Việt Nam, GV giới thiệu vài nét về vị trí chiến lược của Đà Nẵng (nằm trên trục giao thông Bắc – Nam, có hải cảng sâu và rộng, gần Hội An, cách Huế khoảng 100 km về phía bắc). Đây là vị trí khá thuận tiện nên nhiều năm trước, Đà Nẵng đã trở thành đầu mối ra vào của tàu thuyền nước ngoài.

– Cho HS quan sát hình vẽ trong SGK, GV phân tích ý đồ tấn công Đà Nẵng của Pháp và sự kiện liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng xâm lược Việt Nam ngày 1-9-1858 (có thể phân tích thêm động cơ của Tây Ban Nha).

– GV đặt câu hỏi : Âm mưu của Pháp đánh chiếm Đà Nẵng có thực hiện được không ? Tại sao ? GV hướng dẫn HS tìm hiểu :

+ Sự chống trả quyết liệt của quân và dân ta từ ngày 30-8-1858 đến tháng 2-1859 (khai thác các chi tiết trong SGK).

+ Quân Pháp không đạt được mục đích (vì bị chống trả quyết liệt, thương vong nhiều, tiếp tế khó khăn...), sau 5 tháng kể từ khi nổ súng xâm lược, quân Pháp – Tây Ban Nha chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà. Nhiều lần quân Pháp định tiến sâu vào đất liền nhưng đều thất bại.

Phân tích để HS thấy được : Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là nguyên nhân chủ yếu làm thất bại ý đồ "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp. Ở đây, cần nhắc đến vai trò và ý chí đánh giặc của quân và dân ta, thực hiện sách lược "vườn không nhà trống" gây cho địch nhiều khó khăn.

(GV cần khai thác nội dung bài học và các tư liệu tham khảo về tinh thần chiến đấu quả cảm của quân và dân ta tại chiến trường Đà Nẵng năm 1858 để chứng minh). Kết quả : Âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp bước đầu bị thất bại.

– Khi trả lời câu hỏi 2 ở cuối mục, GV gợi ý cho HS :

+ Cuộc kháng chiến nổ ra kịp thời, ngay khi Pháp nổ súng xâm lược.

+ Lòng yêu nước và ý thức về một đất nước thống nhất của toàn dân (hành động của Đốc học Phạm Văn Nghị ở Nam Định).

+ Ý chí quyết tâm cao (nhân dân tự động đứng lên cùng quân đội triều đình chống Pháp mà không chờ triều đình kêu gọi).

Mục II – Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam Kỳ từ năm 1859 đến năm 1862

1. Kháng chiến ở Gia Định

– GV kết hợp giữa việc giảng bài và minh họa bằng lược đồ (SGK) trong đó thể hiện đường tiến quân của Pháp ; lí giải nguyên nhân và ý đồ mới của giặc khi chúng đánh vào Gia Định, nhằm thực hiện bước đầu âm mưu "chinh phục từng gó nhỏ" (chiếm vùng Nam Kỳ giàu có, uy hiếp Cam-pu-chia, chiếm

lưu vực sông Mê Công, gây khó khăn về lương thực cho triều đình Huế...). Sau đó, GV đặt câu hỏi và gợi ý cho HS trả lời :

- Ý đồ trên của Pháp đã được thực hiện như thế nào ? (dựa vào SGK để tường thuật trận đánh ở Gia Định).

+ Thực dân Pháp đã gặp trở ngại như thế nào ? (cũng như ở Đà Nẵng, nhân dân Gia Định chiến đấu anh dũng, một lần nữa khiến địch phải thay đổi chiến thuật).

- Khi thực dân Pháp chiếm được Gia Định (2 - 1859), tình hình diễn biến như thế nào ? (phân tích những khó khăn của Pháp).

Đây là một cơ hội để tiêu diệt quân xâm lược, làm thay đổi cục diện chiến tranh, nhưng cơ hội đó đã bị bỏ lỡ (do quan quân triều đình áp dụng chiến thuật phòng thủ bị động). Quân Pháp vẫn yên ổn trước lực lượng đông đảo của quân ta, chúng tiếp tục chuẩn bị điều kiện để mở rộng cuộc xâm lược.

- GV gợi ý để HS so sánh tinh thần quyết tâm kháng chiến của nhân dân ta với ý chí kháng chiến của triều đình Nguyễn (thiếu đường lối, thiếu quyết tâm, tư tưởng thất bại chủ nghĩa làm giảm ý chí đánh địch và thắng địch). Điều đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kháng chiến của nhân dân ta⁽¹⁾.

2. Kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Hiệp ước 5-6-1862

- Sau khi buộc nhà Thanh kí Điều ước Bắc Kinh (25-10-1860), Pháp rảnh tay hơn trong "vấn đề Nam Kỳ". Tháng 2-1861, Đô đốc Sác-ne đưa 4 000 quân và 70 tàu tăng viện cho Gia Định. Mục tiêu của Pháp trước hết nhằm vào Đại đồn Chí Hoà.

+ GV có thể giới thiệu : Đại đồn Chí Hoà do Nguyễn Tri Phương chỉ huy vừa hoàn thành việc xây dựng. Thành dài 3 km, ngang 1 km, xây bằng gạch, đá ong và đất sét rất kiên cố, cao 3,5 m, dày 2 m, có nhiều lỗ châu mai. Trong thành chia làm 5 khu, có thể hỗ trợ nhau chiến đấu. Vách thành gai góc chằng chịt. Ngoài thành có hào sâu đầy nước ngăn cách, có rào tre, hố cắm chông. Cách chân thành hàng trăm mét, nhiều cạm bẫy đã được bố trí. Trong thành có 150 đại bác đủ cỡ và vô số vũ khí thông thường, có hàng chục nghìn binh sĩ chính quy và dân binh (theo tài liệu của Pháp). Nếu là cuộc chiến tranh với vũ khí thô sơ thời phong kiến thì Đại đồn Chí Hoà là một chiến lũy vô cùng lợi hại, gần như bất khả xâm phạm.

(1) Xem thêm : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng. Thái độ của Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp, Nguyễn Bá Nghi...*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 88.

+ Ngày 23-2-1861, Pháp nổ súng tấn công và chiếm Đại đồn.

+ Trong khi triều đình còn chưa hết bàng hoàng, lục đục luận tội trong việc để mất Đại đồn Chí Hoà thì giặc đã thừa cơ đem quân đánh chiếm Định Tường, Biên Hoà, thành Vĩnh Long.

Như vậy, đến cuối tháng 3-1862, ba tỉnh miền Đông và một tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long) đã rơi vào tay Pháp.

- Về phong trào kháng chiến của nhân dân ta, GV cần làm rõ : Dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu chủ chiến, phong trào tiếp tục dâng cao (lấy dẫn chứng trong SGK), gây cho quân giặc nhiều tổn thất.

- Chớp cơ hội khi Tự Đức đang có ý muốn "nghị hoà", Pháp đã kí với đại diện của triều đình Huế bản Hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862).

Phân tích sự kiện này sẽ giúp cho HS hiểu thêm những lí do triều đình muốn nghị hoà. Đó là :

+ Ngay từ đầu, nhà vua và đa số quan lại triều đình đã ít nhiều có tư tưởng sợ Pháp, không hiểu biết tình hình địch mà chỉ thấy sức mạnh vượt trội về vũ khí của chúng.

+ Không đủ sức để vừa chống giặc ở Nam Kỳ, vừa chống lại các cuộc nổi dậy chống triều đình ở Bắc Kỳ.

+ Không tin tưởng ở năng lực chiến đấu của nhân dân.

+ Có ảo tưởng rằng thông qua thương thuyết có thể lấy lại các tỉnh đã mất.

- Khi giảng về Hiệp ước 5-6-1862, GV cho HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK, sau đó đặt câu hỏi và gợi ý cho HS nhận xét về tính chất của bản Hiệp ước và thái độ yếu hèn của triều đình Huế (cắt đất cầu hoà, đi ngược lại ý chí của nhân dân, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền dân tộc... Đó cũng là lí do khiến nhân dân ta bất bình, phản đối hành động bán nước của triều đình nhà Nguyễn ngay sau đó).

Những gợi ý trên đây cũng là cơ sở để trả lời 2 câu hỏi ở cuối mục. Tuy nhiên, cũng cần phân tích thêm hậu quả tai hại mà bản Hiệp ước 5-6-1862 gây ra (về các mặt kinh tế, chính trị, ngoại giao, tư tưởng), tạo điều kiện cho thực dân Pháp có cơ hội để thực hiện dã tâm xâm lược toàn bộ nước ta.

Mục III – Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ sau Hiệp ước 1862

1. Nhân dân ba tỉnh miền Đông tiếp tục kháng chiến sau Hiệp ước 1862

- Trước hết, GV nêu câu hỏi : Việc triều đình Huế kí Hiệp ước ngày 5-6-1862 đã ảnh hưởng tới phong trào ứng nghĩa của nhân dân ta như thế nào ?

+ Các lực lượng kháng chiến của triều đình ở ba tỉnh miền Đông buộc phải giải tán.

+ Những người kháng chiến không tuân lệnh bị kết tội ; phong trào thiếu người lãnh đạo, thiếu chỗ dựa tinh thần, thiếu vũ khí...

+ Kẻ thù được tăng cường về quân số và vũ khí. Điều kiện chiến đấu của quân, dân ta trở nên khó khăn, gian khổ hơn khi chính quyền thuộc địa của Pháp ở ba tỉnh miền Đông được xây dựng và củng cố.

+ Mặc dù vậy, nhân dân vẫn anh dũng chống giặc, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa do Trương Định chỉ huy.

- GV cho HS tìm đọc các đoạn văn viết về Trương Định, đánh giá hành động của Trương Định khi quyết định ở lại cùng nhân dân chiến đấu. Sau đó, cho HS quan sát, mô tả tranh vẽ "Trương Định nhận phong soái" (quang cảnh, thành phần, khí thế của dân chúng trong buổi lễ).

- Về diễn biến, kết quả, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Trương Định, GV cho HS quan sát lược đồ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kỳ và phân tích cho HS thấy được : đây là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu cho tinh thần quật khởi của nhân dân Nam Kỳ, đồng thời cũng là dấu mốc hình thành trận tuyến của nhân dân (tách ra khỏi cuộc kháng chiến của triều đình), bước đầu kết hợp giữa hai nhiệm vụ : chống thực dân xâm lược và chống phong kiến đầu hàng.

Sự hi sinh anh dũng của Trương Định để lại niềm thương tiếc vô hạn trong nhân dân (được thể hiện qua thơ văn yêu nước Nam Bộ vào cuối thế kỉ XIX). Cuộc khởi nghĩa của ông vừa là nguồn cổ vũ to lớn đối với những hành động yêu nước, vừa là sự cảnh tỉnh sâu sắc đối với thực dân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước.

2. Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ

- GV sử dụng lược đồ, giới thiệu địa thế ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

- Tình thế ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ ngay khi Pháp thiết lập nền bảo hộ trên đất Cam-pu-chia.

- Những sai lầm liên tiếp của triều đình nhà Nguyễn khi không nhận thấy âm mưu nham hiểm của Pháp, chỉ mãi mê với việc chuộc đất.

- Lợi dụng sự bạc nhược của triều đình Huế, Pháp chiếm tiếp ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) mà không tốn một viên đạn.

Khi nói về trách nhiệm của Phan Thanh Giản trong việc để mất ba tỉnh miền Tây, GV cần nhấn mạnh : điều này thể hiện sự bất lực của cả triều đình Huế chứ không chỉ thuộc về một cá nhân nào.

– Phần trả lời câu hỏi cuối mục, GV hướng dẫn HS phân tích tình thế cuộc kháng chiến của nhân dân ta (so với giai đoạn đầu khi Pháp mới xâm lược) về tương quan lực lượng, về hậu cần, nhân lực, tài lực và những ưu thế mới của địch, từ đó có những liên hệ để giáo dục tư tưởng, tình cảm cho HS.

3. Nhân dân ba tỉnh miền Tây chống Pháp

– GV dẫn dắt : Sau khi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ rơi vào tay Pháp, triều đình Huế phản ứng một cách yếu ớt, nhưng một cao trào kháng chiến mới của nhân dân lại bắt đầu.

– Dựa vào lược đồ trong SGK, GV nêu diễn biến chính của phong trào kháng chiến chống Pháp ở ba tỉnh miền Tây sau năm 1867 : Phong trào không hề bị giảm sút mà tiếp tục gia tăng, xuất hiện ngày càng nhiều những trung tâm mới, những nhân tố mới, với nhiều tấm gương sáng chói về lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm, kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm.

– Cần chú ý khai thác về tính linh hoạt, phong phú của các hình thức kháng chiến, trong đó có phong trào tị địa (rời đi nơi khác) của các sĩ phu văn thân yêu nước, thể hiện tinh thần khảng khái, kiên quyết bất hợp tác với giặc ; sự liên minh chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam – Cam-pu-chia ; tấm gương của Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân và của những con người bình dị khác.

3. Sơ kết bài học

– Giữa thế kỉ XIX, viện cơ triều đình nhà Nguyễn cấm đạo và giết giáo sĩ, liên quân Pháp – Tây Ban Nha đã tấn công xâm lược Việt Nam.

– Từ năm 1858 đến năm 1862, Pháp chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta nổ ra ngay từ đầu với tinh thần quả cảm, cương quyết, mưu trí.

– Năm 1867, Pháp chiếm thêm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

– Nhiều tấm gương chiếu sáng hi sinh quên mình vì nước đã xuất hiện : Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân và biết bao liệt sĩ vô danh khác.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Dùng lược đồ trong SGK :

– Đánh dấu địa bàn hoạt động của nghĩa quân trong khởi nghĩa Trương Định rồi miêu tả diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa.

Câu 2

– Tinh thần của quan lại, binh lính nhà Nguyễn trên chiến trường so với ý chí chiến đấu vì độc lập, tự do của nhân dân.

– Hiệu quả chiến đấu.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo sĩ A-lếch-xăng đơ Rốt nói về xứ An Nam

Đây là một vị trí cần phải chiếm lấy, và chiếm được vị trí này thì thương gia Âu châu sẽ tìm được một nguồn lợi nhuận và tài nguyên dồi dào.

(Theo : Tô-ma-di, *Cuộc chinh phục xứ Đông Dương...*)

Giáo sĩ Sanh-pha-lơ báo cáo Chính phủ Pháp năm 1753

Vương quốc này là một trong những nước mạnh nhất của vùng Đông Ấn. Tuy nó thần cống Trung Quốc, nó lại được nhiều nước láng giềng quy thuận... Nó rộng bằng 2/3 nước Pháp. Thủ đô của nó là Kẻ Chợ, rộng lớn như Pa-ri... nằm trên một con sông gọi là sông Cái. Thuyền bè chen chúc dưới bến, đông đúc quá sức tưởng tượng. Vương quốc này, dân số không biết bao nhiêu mà kẻ, có rất nhiều thị trấn, có những thị trấn tới 3, 4, 5 hay 10 vạn dân. Xứ này có nhiều sông ngòi, kênh đào, thuyền bè lưu thông dễ dàng. Đất đai màu mỡ, Bắc Kỳ mở rộng cửa cho người Anh, Hà Lan, người Pháp đều có thương điếm.

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, Sđd, tr.21)

Chạy giặc

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây.
Một bàn cờ thế phút sa tay !
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.*

*Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này ?*

(Theo : *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, NXB Văn học, H., 1963)

Tinh thần chiến đấu vì độc lập dân tộc

"Đứng trước vũ khí của chúng ta, những người An Nam chỉ có một phương sách duy nhất là hi sinh cho sự bảo vệ các quyền tự do của họ. Họ đã bình tĩnh đương đầu cái chết với một sự can đảm tột đỉnh và trong số rất đông những người đã ngã xuống vì những viên đạn của các đơn vị hành hình, hay dưới làn gươm của các tên đao phủ, chúng tôi không bao giờ ghi nhận được một sự yếu đuối nào".

(Theo : Gosselin, *Vương quốc An Nam*, Pa-ri, 1904)

"Từ khi người Tây gây biến ở Lục tỉnh, sĩ phu và dân chúng liêu mình đứng lên, kháng khái chịu chết kẻ không xiết được, như Đỗ Trình Thoại ở Tân Hoà, Nguyễn Lịch ở Tân An đều là những tấm gương chói lọi. Còn như ở chốn làng xa ngõ hẻm, những trinh phụ liệt nữ, trung nghĩa không chịu ô nhục, chống giặc đến chết, chính tôi biết được có hơn chục người. Tiếc rằng thời thế đổi dời, đường sá cách trở, sự tích không sao biết rõ được..."

(Theo : Nguyễn Thông, *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỉ XIX (1858-1900)*,
NXB Văn học)